

Số: 05/2024/QĐST-VHNGĐ

An Phú, ngày 30 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

*Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Tuấn.*

*Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên họp: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 1030/2024/QĐST-VHNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 1054/2024/QĐST-VHNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Bà Võ Thị Ánh T, sinh ngày 29/7/2002; địa chỉ: Số nhà A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trịnh Văn T1, sinh ngày 01/3/1996; địa chỉ: Số nhà A, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

- Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

*Người đại diện theo pháp luật của UBND xã P: Ông Nguyễn Văn D – chức vụ: Chủ tịch UBND xã P.*

Bà Võ Thị Ánh T, ông Trịnh Văn T1, bà Nguyễn Thị L, đại diện UBND xã P có yêu cầu vắng mặt tại phiên họp.

### **NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

Theo nội dung đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình, bản tự khai cùng ngày 23/8/2024, bà Võ Thị Ánh T cho biết:

Bà Võ Thị Ánh T, sinh ngày 29/7/2002 và ông Trịnh Văn T1, sinh ngày 01/3/1996 tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào tháng 03/2019, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A vào ngày 13/02/2019 (theo bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 35). Quá trình chung sống, bà T và ông Thừa sinh được 01 con chung tên: Trịnh Thanh T2, sinh ngày 04/7/2020. Con chung hiện đang sống cùng bà T và ông T1. Quá trình cấp giấy chứng minh nhân dân có sai sót, bà T đã căn cứ vào Giấy chứng minh nhân dân đã cấp (sinh ngày 29/7/1998, đã đủ tuổi đăng ký kết hôn) để tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn với sự đồng ý của 02 bên gia đình. Thực tế, tại thời điểm kết hôn bà T chưa đủ 18 tuổi, cụ thể bà T chỉ được 16 tuổi 07 tháng. Do hiện nay bà T muốn cải chính lại thông tin trong Giấy chứng nhận kết hôn nên bà T khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện An Phú để yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa tôi và ông Trịnh Văn T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T. Khi tiến đến hôn nhân, ông T1 không biết bà T chưa đủ tuổi kết hôn do căn cứ vào Giấy chứng minh nhân dân đã cấp cho bà T (sinh ngày 29/7/1998, đã đủ tuổi đăng ký kết hôn) thì tại thời điểm kết hôn bà T đã trên 18 tuổi. Ông T1 có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án mở phiên họp do bận đi làm ăn xa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T. Bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Võ Thị Ánh T, sinh ngày 29/7/2002 và ông Trịnh Văn T1, sinh ngày 01/3/1996 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 13/02/2019 của UBND xã P. Bà L yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng do nhà xa, bận công việc làm ăn.

Hội Liên hiệp Phụ nữ xã P thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T. Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Võ Thị Ánh T, sinh ngày 29/7/2002 và ông Trịnh Văn T1, sinh ngày 01/3/1996 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 13/02/2019 của UBND xã P. Hội Liên hiệp Phụ nữ xã P đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án và yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

Theo nội dung Công văn số 429/UBND-VX ngày 25/9/2024, đại diện UBND xã P cho biết: Bà Võ Thị Ánh T có đến bộ phận nhận và trả kết quả UBND xã P để

làm thủ tục đăng ký kết hôn, có xuất trình chứng minh nhân dân (bản chính) và hộ khẩu (bản chính) để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kiểm tra tính hợp pháp của giấy tờ, kiểm tra sổ lưu hộ tịch và xác minh thực tế, UBND xã P làm thủ tục đăng ký kết hôn cho bà Võ Thị Ánh T, sinh ngày 29/7/1998 và ông Trịnh Văn T1, sinh ngày 01/3/1996 theo đúng quy định của pháp luật (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 13/02/2019 của UBND xã P). Đại diện UBND xã P có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án vì lý do công việc.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên họp:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm ra Quyết định giải quyết việc hôn nhân và gia đình, Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Căn cứ Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình của bà Võ Thị Ánh T, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Võ Thị Ánh T, sinh ngày 29/7/2002 và ông Trịnh Văn T1, sinh ngày 01/3/1996 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 13/02/2019 của UBND xã P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền yêu cầu: Theo các tài liệu, chứng cứ và trình bày của bà Võ Thị Ánh T, ông Trịnh Văn T1, bà Nguyễn Thị L, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã P và UBND xã P, có căn cứ xác định Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 13/02/2019 của UBND xã P có liên quan trực tiếp quyền, lợi ích hợp pháp của bà T, nên bà T có quyền yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 3 Thông tư Liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt: Bà Võ Thị Ánh T, ông Trịnh Văn T1, bà Nguyễn Thị L, đại diện UBND xã P có yêu cầu vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là việc hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại

khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật được thực hiện tại UBND xã P, huyện A, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[1.4] Về đánh giá chứng cứ: Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, 92, 93, 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Bà Võ Thị Ánh T và ông Trịnh Văn Thừa t tìm hiểu, quen biết và được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào tháng 03/2019, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 13/02/2019. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 13/02/2019 của UBND xã P thì bà Võ Thị Ánh T, sinh ngày 29/7/1998. Tuy nhiên, theo Giấy khai sinh mang tên Võ Thị Ánh T thì bà T sinh ngày 29/7/2022 nên tại thời điểm kết hôn bà T chưa đủ 18 tuổi và chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà T cũng thừa nhận việc đăng ký kết hôn tại thời điểm chưa đủ điều kiện kết hôn là do bà T căn cứ vào giấy chứng minh nhân dân. Hiện nay, bà T đã cải chính lại năm sinh trong căn cước công dân để phù hợp với Giấy khai sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn T1 và bà Nguyễn Thị L thống nhất với lời trình bày của bà T và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Võ Thị Ánh T và ông Trịnh Văn T1.

Theo quy định tại Điều 14 Luật Hộ tịch, nội dung đăng ký khai sinh gồm: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch là thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân, được ghi vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hồ sơ, giấy tờ của cá nhân liên quan đến thông tin khai sinh phải phù hợp với nội dung đăng ký khai sinh của người đó.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định việc bà Võ Thị Ánh T kết hôn với ông Trịnh Văn T1 và được UBND xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển 1 ngày 13/02/2019 là trái pháp luật do tại thời điểm kết hôn bà T chưa đủ 18 tuổi; tuổi bà T được ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn nêu trên là không đúng theo thông tin hộ tịch cơ bản là Giấy khai sinh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Ánh T, hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà Võ Thị Ánh T và ông Trịnh Văn T1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày

13/02/2019 của UBND xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

[3] Về các vấn đề khác: Bà Võ Thị Ánh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Bà Võ Thị Ánh T không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 367; các điều 70, 91, 92, 93, 94, 149, 150, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 14 Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Ánh T:

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Võ Thị Ánh T, sinh ngày 29/7/2002 và ông Trịnh Văn T1, sinh ngày 01/3/1996 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 13/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà Võ Thị Ánh T và ông Trịnh Văn T1 phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Bà Võ Thị Ánh T không phải chịu lệ phí Tòa án.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Võ Thị Ánh T, ông Trịnh Văn T1, bà Nguyễn Thị L, Ủy ban nhân dân xã P có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được

quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (4);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THA Dân sự huyện An Phú (1);
- Lưu VP (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**(Đã ký)**

**Phạm Tuấn**